

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CTTL TỈNH ĐẮK NÔNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021

Tháng 01 năm 2022

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

Đường Đinh Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

Đường Đình Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Lê Viết Thuận

Ban Giám Đốc

Ông Nguyễn Thừa Anh

Giám đốc

Ông Trần Văn Chạy

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Tường Duy

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Bùi Thị Loan

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC-Chi nhánh Hà Nội.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

Đường Đình Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thừa Anh

Giám đốc

Đắk Nông, ngày 26 tháng 01 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIME GLOBAL

Số: 12 /2022/AACHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu, Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 26/01/2022, từ trang 6 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2021. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 31/12/2021 cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Đến thời điểm lập báo cáo này, số dư công nợ Phải trả người bán của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ; tỷ lệ số dư đã được đối chiếu, xác nhận là 89%. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của các số dư công nợ chưa được đối chiếu tại ngày 31/12/2021.

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04. 3224 2403 / 04. 6666 6369
Email: aac.hn@aac.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Hà Minh Long

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số
1221-2018-010-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC-CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

Mai Bình Thanh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số
2068-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.554.868.981	34.489.705.545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.806.274.781	13.909.797.227
1. Tiền	111		23.806.274.781	13.909.797.227
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.516.136.704	20.362.022.432
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	15.770.751.021	12.954.793.737
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		93.312.038	7.052.346.235
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.652.073.645	354.882.460
IV. Hàng tồn kho	140		96.364.667	113.729.407
1. Hàng tồn kho	141	7	96.364.667	113.729.407
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		136.092.829	104.156.479
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10a	25.087.364	10.403.031
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.521.543	38.597.363
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12b	69.483.922	55.156.085
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.695.247.916.552	2.626.079.737.703
II. Tài sản cố định	220		2.694.134.206.898	2.620.616.818.768
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.694.118.929.115	2.620.593.207.653
- Nguyên giá	222		2.709.922.084.746	2.634.483.568.457
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.803.155.631)	(13.890.360.804)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	15.277.783	23.611.115
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.722.217)	(26.388.885)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	4.179.758.140
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	4.179.758.140
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.113.709.654	1.283.160.795
Chi phí trả trước dài hạn	261	10b	1.113.709.654	1.283.160.795
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		2.736.802.785.533	2.660.569.443.248

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		31.434.498.010	13.154.638.654
I. Nợ ngắn hạn	310		30.543.299.385	12.263.440.029
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11a	20.759.904.902	6.276.128.168
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		60.000	60.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12a	5.736.598	-
4. Phải trả người lao động	314		4.654.262.907	4.159.809.031
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.235.051	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	81.280.609
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	2.728.854.360	346.926.464
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	14	2.176.473.599	1.184.261.589
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		212.771.968	214.974.168
II. Nợ dài hạn	330		891.198.625	891.198.625
1. Phải trả người bán dài hạn	331	11b	781.620.000	781.620.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	15	109.578.625	109.578.625
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.705.368.287.523	2.647.414.804.594
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	2.659.808.822.035	2.600.472.909.786
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.602.214.518.368	2.577.140.426.268
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		434.767.657	434.767.657
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.399.426.010	2.388.957.861
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.388.957.861	262.311.393
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.010.468.149	2.126.646.468
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		51.760.110.000	20.508.758.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		45.559.465.488	46.941.894.808
1. Nguồn kinh phí	431		1.536.731.288	9.178.327.608
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		44.022.734.200	37.763.567.200
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.736.802.785.533	2.660.569.443.248



Nguyễn Thừa Anh
Giám đốc
Đắk Nông, ngày 26 tháng 01 năm 2022

Bùi Thị Loan
Kế toán trưởng

Bùi Thị Loan
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	43.045.734.883	42.129.917.900
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	43.045.734.883	42.129.917.900
4. Giá vốn hàng bán	11	18	34.608.875.189	34.538.761.144
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.436.859.694	7.591.156.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	18.763.217	31.006.865
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	5.447.519.108	5.366.818.953
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.008.103.803	2.255.344.668
11. Thu nhập khác	31	21	15.892.000	13.636.364
12. Chi phí khác	32	22	6.596.611	8.870.665
13. Lợi nhuận khác	40		9.295.389	4.765.699
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.017.399.192	2.260.110.367
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	6.931.043	8.786.558
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.010.468.149	2.251.323.809



Nguyễn Thừa Anh
Giám đốc
Đắk Nông, ngày 26 tháng 01 năm 2022

Bùi Thị Loan
Kế toán trưởng

Bùi Thị Loan
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		3.017.399.192	2.260.110.367
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		1.921.128.159	2.044.795.194
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(18.763.217)	(31.006.865)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		4.919.764.134	4.273.898.696
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9		2.820.968.124	(10.008.878.316)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		17.364.740	(28.434.128)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		15.894.898.609	2.364.910.771
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		169.451.141	(793.528.855)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.999.642.230	27.647.544.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.636.627.623)	(545.629.915)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.185.461.355	22.909.882.253
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.307.747.018)	(20.053.391.213)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.763.217	31.006.865
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.288.983.801)	(20.022.384.348)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.896.477.554	2.887.497.905
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.909.797.227	11.022.299.322
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	23.806.274.781	13.909.797.227



Nguyễn Thừa Anh
Giám đốc
Đắk Nông, ngày 26 tháng 01 năm 2022

Bùi Thị Loan
Kế toán trưởng

Bùi Thị Loan
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông (sau đây được gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400204746 ngày 14/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/11/2021.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND tỉnh Đắk Nông. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 4, Đinh Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.165.379.352.059 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn một trăm sáu mươi lăm tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi chín đồng).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; quản lý vốn và thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Khai thác công trình thủy lợi nhằm mục đích tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và các ngành kinh tế khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình công ích;
- Nuôi trồng thủy sản trên các hồ chứa do Công ty quản lý;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ.

1.3 CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh huyện Đắk Song	Thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;
2	Chi nhánh huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông;
3	Chi nhánh huyện Krông Nô	Thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;
4	Chi nhánh huyện Cư Jút	Thị trấn Ea T-Ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;
5	Xí nghiệp Xây dựng và dịch vụ	Khu hành chính Sùng Đức, Tổ dân phố 3, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;
6	Chi nhánh huyện Đắk Mil	Thôn 3, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;
7	Ban Quản lý dự án	Số 4, Đinh Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;
8	Chi nhánh huyện Đắk R’Lấp	Thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông;
9	Chi nhánh thành phố Gia Nghĩa	Khu hành chính Sùng Đức, Tổ dân phố 3, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;
10	Chi nhánh huyện Tuy Đức	Xã Đắk Búk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Các Chi nhánh, Xí nghiệp hoạt động phụ thuộc, hạch toán báo sổ.

(*) Xí nghiệp đã đăng ký tạm ngừng hoạt động đến ngày 15/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường dưới 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.3 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp công theo Quyết định giao của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh công theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Đối với các tài sản cố định được phê duyệt nguồn vốn đầu tư gồm 2 nguồn: Ngân sách và Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, khi được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Công ty hạch toán tăng nguyên giá được duyệt và nguồn vốn đầu tư tương ứng; trường hợp nguồn vốn Ngân sách đã thực cấp không đủ bằng số được duyệt (tính đến thời điểm được phê duyệt quyết toán) thì số nguồn vốn Ngân sách chưa được cấp sẽ được Công ty sử dụng từ nguồn Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính, theo đó, một số tài sản cố định thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Các công trình nước sạch nông thôn chưa được trích khấu hao trong năm 2021 do Công ty đang chờ UBND Tỉnh phê duyệt phương án giá nước cũng như quyết định giảm mức trích khấu hao theo quy định

3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 24 tháng. Các khoản chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định được phân bổ trong thời gian không quá 36 tháng.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và doanh thu cung cấp dịch vụ cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn.

Doanh thu thủy lợi phí là khoản thu từ cung cấp dịch vụ phục vụ mục đích thủy lợi, được cấp từ nguồn ngân sách và được ghi nhận căn cứ hồ sơ nghiệm thu sản lượng thực hiện giữa Công ty và các đơn vị sử dụng dịch vụ.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.8 GHI NHẬN GIÁ VỐN**

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.9 THUẾ**Thuế Giá trị gia tăng**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty là 5% (không bao gồm hoạt động nạo, vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ nguồn thủy lợi phí).

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn là 5%.

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khác của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 20%. Các khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, nạo vét kênh, mương nội đồng không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	486.787.636	554.677.735
Tiền gửi ngân hàng	23.047.095.145	13.355.119.492
Tiền đang chuyển	272.392.000	-
Cộng	23.806.274.781	13.909.797.227

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	15.770.751.021	12.954.793.737
- Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông	15.730.779.665	12.954.793.737
- Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An	36.719.856	-
- Các đối tượng khác	3.251.500	-
Cộng	15.770.751.021	12.954.793.737

Số dư tại ngày 01/01/2021 có thay đổi so với số dư tại ngày 31/12/2020 trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 là 55.720.923 đồng do Công ty điều chỉnh theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quyết toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty, theo đó làm giảm doanh thu từ nguồn hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, cụ thể:

Phải thu Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông (tại 31/12/2020, trước điều chỉnh)	13.010.514.660 đồng
Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 193/QĐ-UBND	55.720.923 đồng
Phải thu Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông (tại 01/01/2021, sau điều chỉnh)	12.954.793.737 đồng

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

Đường Đinh Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.652.073.645	-	354.882.460	-
- Tạm ứng	10.589.767	-	-	-
- Phải thu khác	735.313.418	-	5.940.000	-
+ Chi nhánh huyện Krông Nô	-	-	5.940.000	-
+ Giá trị bị cắt giảm theo Quyết định Thanh tra Tỉnh	735.313.418	-	-	-
- Chi vượt Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	906.170.460	-	348.942.460	-
Cộng	1.652.073.645	-	354.882.460	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	96.364.667	-	113.729.407	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Cộng	96.364.667	-	113.729.407	-

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

Đường Đinh Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2021	2.624.835.477.897	8.530.090.560	1.118.000.000	2.634.483.568.457
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.937.707.000	-	-	4.937.707.000
- Tăng khác do đầu tư nâng cấp	58.171.464.189	-	-	58.171.464.189
- Nhận bàn giao Công trình nước sinh hoạt	12.342.961.100	-	-	12.342.961.100
- Quyết toán dự án hoàn thành giảm	(13.616.000)	-	-	(13.616.000)
31/12/2021	<u>2.700.273.994.186</u>	<u>8.530.090.560</u>	<u>1.118.000.000</u>	<u>2.709.922.084.746</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2021	6.332.776.106	6.570.017.939	987.566.759	13.890.360.804
- Khấu hao trong năm	1.009.814.573	791.180.254	111.800.000	1.912.794.827
- Tăng khác	-	-	-	-
31/12/2021	<u>7.342.590.679</u>	<u>7.361.198.193</u>	<u>1.099.366.759</u>	<u>15.803.155.631</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2021	<u>2.618.502.701.791</u>	<u>1.960.072.621</u>	<u>130.433.241</u>	<u>2.620.593.207.653</u>
31/12/2021	<u>2.692.931.403.507</u>	<u>1.168.892.367</u>	<u>18.633.241</u>	<u>2.694.118.929.115</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (không bao gồm các TSCĐ không phải trích khấu hao): 2.071.459.650 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

Đường Đinh Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2021	-	50.000.000	50.000.000
31/12/2021	-	50.000.000	50.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2021	-	26.388.885	26.388.885
- Khấu hao trong năm	-	8.333.332	8.333.332
31/12/2021	-	34.722.217	34.722.217
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2021	-	23.611.115	23.611.115
31/12/2021	-	15.277.783	15.277.783

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG
Đường Đinh Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân,
thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Ngắn hạn	25.087.364	10.403.031
- Phí sử dụng đường bộ xe ô tô	2.500.000	-
- Phí sử dụng VNPT iOFFICE	17.710.000	-
- Chi phí khác	4.877.364	10.403.031
b. Dài hạn	1.113.709.654	1.283.160.795
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.065.185.226	1.075.623.797
- Bảo hiểm xe ô tô	-	1.241.200
- Chi phí khác	48.524.428	206.295.798
Cộng	1.138.797.018	1.293.563.826

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

Đường Đình Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	20.759.904.902	20.759.904.902	6.276.128.168	6.276.128.168
- Công ty CP Tư vấn ĐTXD tài nguyên nước SHT	604.442.000	604.442.000	609.107.000	609.107.000
- Công ty TNHH kiểm toán TVASC Việt Nam	423.596.000	423.596.000	342.009.000	342.009.000
- Công ty TNHH An Vũ	502.169.000	502.169.000	885.062.000	885.062.000
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Khang Việt Phát	1.692.281.000	1.692.281.000	-	-
- Công ty TNHH MTV WIN 7 Đắk Nông	95.184.400	95.184.400	326.672.000	326.672.000
- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Cao Nguyên	249.275.000	249.275.000	4.248.000	4.248.000
- Công ty TNHH Quang Mạnh	7.063.248.000	7.063.248.000	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và công nghệ Long Hưng	1.689.120.350	1.689.120.350	-	-
- Công ty CP Thương mại dịch vụ xây dựng ĐMT Nhân Thi	1.978.074.600	1.978.074.600	-	-
- Các đối tượng khác	6.462.514.552	6.462.514.552	4.109.030.168	4.109.030.168
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	781.620.000	781.620.000	781.620.000	781.620.000
- Công ty Cổ phần Đông Bắc	781.620.000	781.620.000	781.620.000	781.620.000
Cộng	21.541.524.902	21.541.524.902	7.057.748.168	7.057.748.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế tài nguyên	-	4.259.850	-	4.259.850
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.476.748	12.000.000	1.476.748
Cộng	-	17.736.598	12.000.000	5.736.598
	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
b. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	7.274.657	7.274.657	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	47.133.552	6.931.043	-	40.202.509
- Thuế thu nhập cá nhân	8.022.533	2.486.402	398.292	5.934.423
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	77.827.432	101.174.422	23.346.990
	55.156.085	9.417.445	398.292	69.483.922

(*) Chỉ tiêu Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải thu của Nhà nước tại ngày 01/01/2021 có thay đổi so với số dư tại ngày 31/12/2020 trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 do Công ty điều chỉnh theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quyết toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty, thực hiện giảm 30% Thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, theo đó làm giảm số Thuế TNDN phải nộp năm 2020 là 3.765.668 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.728.854.360	346.926.464
- Kinh phí công đoàn	2.059.197	5.453.484
- Bảo hiểm xã hội	33.813.907	1.190.580
- Nhận ký cược, ký quỹ	1.805.546.000	340.282.400
- Phải nộp Ngân sách theo Quyết định Thanh tra Tỉnh	735.313.418	-
- Phải trả khác	152.121.838	-
<i>Ban Quản lý dự án</i>	<i>90.621.838</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>61.500.000</i>	<i>-</i>
Cộng	2.728.854.360	346.926.464

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.176.473.599	1.184.261.589
- Chi phí sửa chữa lớn Đập tạm, nâng cao ngưỡng	122.615.600	139.188.590
- Chi phí Sửa đổi bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật	1.045.072.999	1.045.072.999
- Chi phí cấm mốc công trình thủy lợi	987.186.000	-
- Chi phí bảo trì 19 công trình danh mục năm 2021	21.599.000	-
Cộng	2.176.473.599	1.184.261.589

15. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (*)	109.578.625	109.578.625
Cộng	109.578.625	109.578.625

(*) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được Công ty trích lập từ tháng 11 năm 2016, đến tháng 12 năm 2020 đã đủ thời gian 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (****)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	2.569.777.114.268	4.000.000.000	434.767.657	8.318.901.000	262.311.393	2.582.793.094.318
- Tăng vốn trong năm trước	3.363.312.000	-	-	-	-	3.363.312.000
- Lãi trong năm	-	-	-	-	2.251.323.809	2.251.323.809
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(124.677.341)	(124.677.341)
- Tăng trong năm	-	-	-	13.652.387.000	-	13.652.387.000
- Giảm trong năm	-	-	-	(1.462.530.000)	-	(1.462.530.000)
31/12/2020	2.573.140.426.268	4.000.000.000	434.767.657	20.508.758.000	2.388.957.861	2.600.472.909.786
01/01/2021	2.577.140.426.268	-	434.767.657	20.508.758.000	2.388.957.861	2.600.472.909.786
- Tăng vốn trong năm nay (**)	25.074.092.100	-	-	-	-	25.074.092.100
- Lãi trong năm	-	-	-	-	3.010.468.149	3.010.468.149
- Tăng trong năm	-	-	-	43.958.150.000	-	43.958.150.000
- Giảm trong năm	-	-	-	(12.706.798.000)	-	(12.706.798.000)
31/12/2021	2.602.214.518.368	-	434.767.657	51.760.110.000	5.399.426.010	2.659.808.822.035

(*) Vốn khác của Chủ sở hữu 4.000.000.000 đồng là vốn góp bằng tiền của Chủ sở hữu được bổ sung từ 2015 trở về trước, sau khi tìm hiểu rõ bản chất nghiệp vụ và đối chiếu với quy định hiện hành thì khoản vốn này cần được hạch toán là Vốn góp của Chủ sở hữu, do đó Công ty thực hiện điều chỉnh số dư đầu năm đối với khoản mục Vốn góp của Chủ sở hữu (tăng) và Vốn khác của Chủ sở hữu (giảm) 4.000.000.000 đồng.

(**) Tăng Vốn góp của Chủ sở hữu trong năm do điều chỉnh theo Quyết định phê duyệt toán dự án hoàn thành các công trình: Hồ Thôn 2 (Trường Xuân) (Quyết định số 55/QĐ-STC ngày 12/5/2021), Hồ Đô Ry 1 (Quyết định số 57/QĐ-STC ngày 19/5/2021), Hồ Đắk Blao (Quyết định số 68/QĐ-STC ngày 16/6/2021), Hồ Đắk Ru II (Quyết định số 112/QĐ-STC ngày 27/8/2021), Hồ Sinh Muông (Quyết định số 185/QĐ-STC ngày 10/12/2021); tiếp nhận 13 công trình nước sạch nông thôn.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

Đường Đình Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân,
thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(***) Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2021 có thay đổi so với số dư tại ngày 31/12/2020 trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 là 55.720.923 đồng do Công ty điều chỉnh theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quyết toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty, giảm doanh thu 55.720.923 đồng; đồng thời giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp 3.765.668 đồng, do đó số dư Lợi nhuận chưa phân phối giảm 51.955.255 đồng.

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp 2021 của Công ty là: 3.010.468.149 đồng, trong đó:

- Lãi của hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi: 3.089.313.478 đồng.
- Lỗ của hoạt động quản lý khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn: 93.855.903 đồng.
- Lãi của hoạt động khác: 15.010.574 đồng.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu Dịch vụ công ích thủy lợi	42.934.874.912	42.111.800.000
Doanh thu cấp nước sinh hoạt nông thôn	110.859.971	-
Doanh thu khác	-	18.117.900
Cộng	43.045.734.883	42.129.917.900

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn Dịch vụ công ích thủy lợi	34.445.122.626	34.538.761.144
Giá vốn cấp nước sinh hoạt nông thôn	163.752.563	-
Cộng	34.608.875.189	34.538.761.144

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	18.763.217	31.006.865
Cộng	18.763.217	31.006.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi	5.406.555.797	5.366.818.953
Chi phí nhân viên quản lý	1.953.952.599	1.954.434.589
Chi phí đồ dùng văn phòng	783.233.195	619.585.222
Chi phí khấu hao tài sản cố định	376.279.654	373.570.692
Thuế và các khoản lệ phí	77.030.442	111.810.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	263.310.412	301.590.986
Chi phí bằng tiền khác	1.952.749.495	2.005.827.227
Chi phí quản lý doanh nghiệp dịch vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn	40.963.311	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.856.600	-
Chi phí bằng tiền khác	34.106.711	-
Cộng	5.447.519.108	5.366.818.953

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền cho thuê mặt thoáng	15.892.000	13.636.364
Cộng	15.892.000	13.636.364

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi chậm nộp bảo hiểm	6.596.611	8.870.665
Cộng	6.596.611	8.870.665

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.017.399.192	2.260.110.367
Các khoản chi phí không được trừ	-	-
- Chi phí khác	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	2.982.743.975	2.216.177.577
- Thu nhập từ nguồn thủy lợi phí	2.982.743.975	2.216.177.577
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	34.655.217	43.932.790
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.931.043	8.786.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.806.274.781	13.909.797.227
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.412.234.899	13.309.676.197
Cộng	41.218.509.680	27.219.473.424
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	24.235.717.907	7.398.030.568
Chi phí phải trả	2.181.708.650	1.184.261.589
Cộng	26.417.426.557	8.582.292.157
Trạng thái ròng	14.801.083.123	18.637.181.267

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn do Công ty không có các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNGĐường Đình Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân,
thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Công cụ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2021			
Phải trả người bán và phải trả khác	23.454.097.907	781.620.000	24.235.717.907
Chi phí phải trả	2.181.708.650	-	2.181.708.650
Cộng	25.635.806.557	781.620.000	26.417.426.557
01/01/2021			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.616.410.568	781.620.000	7.398.030.568
Chi phí phải trả	1.184.261.589	-	1.184.261.589
Cộng	7.800.672.157	781.620.000	8.582.292.157

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.806.274.781	-	23.806.274.781
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.412.234.899	-	17.412.234.899
Cộng	41.218.509.680	-	41.218.509.680
01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.909.797.227	-	13.909.797.227
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.309.676.197	-	13.309.676.197
Cộng	27.219.473.424	-	27.219.473.424

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**25.1 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

Đường Đình Tiên Hoàng, phường Nghĩa Tân,
thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25.2 THÔNG TIN SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đắk Nông đã được kiểm toán, sau đó tiếp tục được điều chỉnh bổ sung theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Báo cáo tài chính Công ty năm 2020.



Nguyễn Thừa Anh
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 26 tháng 01 năm 2022

Bùi Thị Loan
Kế toán trưởng

Bùi Thị Loan
Người lập biểu

